TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 26/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2025
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN- LÀO CAI.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa**.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung
2. Ông Hoàng Văn Thứ

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLST- HNGĐ ngày 18/3/2025. Về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX ST- HNGĐ ngày ngày 22 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST - HNGĐ ngày 06/6/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị La Thị K, sinh năm 1988.
Địa chỉ cư trú: Thôn Bản Ng, xã ThD, huyện VB, tỉnh L C. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1985.
Địa chỉ cư trú: Thôn Bản Ng, xã ThD, huyện VB, tỉnh L C. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị La Thị K trình bày, có yêu cầu: Năm 2004, chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Duy Đ theo phong tục tập quán. Đến ngày 05/3/2009 chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Duy Đ tại UBND xã Minh Lương, huyện Văn Bàn. Hạnh phúc được khoảng 09 năm đến đầu năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh Đ bất Đ quan điểm, phong cách lối sống, gay gắt nhất vào đầu năm 2020 đến nay đã sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với anh Đ tính đến nay khoảng 04 năm nên chị không có thai với anh Đ. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh Đ. Đề nghị đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

Về con chị La Thị K xác định: Chị và anh Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/6/2005; cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 06/7/2008, cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 06/9/2020. Hiện, cháu D, cháu H đang do chị nuôi d-ưỡng, giáo dục. Nay, chị đề nghị Tòa giải quyết giao cháu D, cháu H cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị đến khi đủ 18 tuổi. Cháu H đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ thanh toán: Chị La Thị K xác định, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Duy Đ: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho anh Đ và giao văn bản tố tụng của tòa cho anh Đ. Tuy nhiên, anh Đ tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, không tham gia tố tụng, không ghi ý kiến trình bày quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản đối với yêu cầu khởi kiện của chị K để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ. Anh Đ đã biết chị K khởi kiện về ly hôn, về giao con khi ly hôn với anh Đ.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị La Thị K đ-ợc ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

+ Về con: Giao cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 06/7/2008, cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 06/9/2020 cho chị La Thị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Duy Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị La Thị K giao nộp và Tòa án xác minh thu thập được tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị K và anh Đ. Do anh Đ biết chị K yêu cầu giải quyết ly hôn với anh nên anh đi, không thông báo nơi ở mới và thông báo thời điểm trở về, cố ý giấu địa chỉ nơi ở mới, nơi làm việc hiện tại cho chị K không biết được địa chỉ mới của anh Đ nhằm né tránh việc ly hôn với chị K. Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đều được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và phổ biến về các quyền,

nghĩa vụ để anh Đ biết đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ và trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị K. Sau đó anh Đ đi làm kinh tế thì văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết theo quy định đều là hợp lệ. Do anh Đ không tham gia tố tụng và không ghi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị K và không gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích của mình từ khi thụ lý đến khi xét xử lần thứ nhất vào ngày 06/6/2025 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay anh Đ cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn tiến hành xét xử:

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị K xác định, năm 2004 chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Duy Đ theo phong tục tập quán, đến ngày 05/3/2009 chị và anh Nguyễn Duy Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Lương, huyện Văn Bàn. Hạnh phúc được khoảng 09 năm đến đầu năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị K và anh Đ bất Đ quan điểm, phong cách lối sống, thường xuyên điều qua tiếng lại, gay gắt nhất vào đầu năm 2020 chị bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với anh Đ tính đến nay khoảng 04 năm nên chị không có thai với anh Đ. Xét thấy, chị K thực sự không còn tình cảm với anh Đ, thời gian chung sống với nhau thường xuyên bất Đ quan điểm sống, thiếu sự chăm lo, yêu thương quý trọng giữa vợ và chồng, làm rạn nứt tình cảm và anh Đ không hợp tác, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh Đ mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội Đ xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

Về con: Chị La Thị K xác định: Đối với cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/6/2005. Hiện đã trưởng thành, kết hôn và lập gia đình riêng. Không có đề nghị gì. Hội Đ xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 06/7/2008, cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 06/9/2020. Mặc dù chị K và anh Đ không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, cháu D, cháu H đã và đang do chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến nay đã được đảm bảo. Xét thấy, thu nhập hàng tháng của chị K có nguồn thu nhập từ tăng gia trồng trọt, khi nông nhàn đi làm thuê mỗi tháng khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Do vậy, để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cần chấp nhận đề nghị của chị K giao cháu D, cháu H cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với qui định tại

Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, với việc tự nguyện giao con của đương sự khi ly thân.

Về tài sản, vay nợ: Chị La Thị K xác định, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, không đề nghị Toà án giải quyết. Hội Đ xét xử không đề cập giải quyết.

Về vay nợ: Chị La Thị K xác định xác định, không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào; không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Không đề nghị Toà án giải quyết. Hội Đ xét xử không đề cập giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy Đ không có yêu cầu phản tố và không có mặt tại phiên tòa. Hội Đ xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị La Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Duy Đ không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị La Thị K đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị K và anh Nguyễn Duy Đ chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật

2.Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 06/7/2008, cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 06/9/2020 cho chị La Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Duy Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị La Thị K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị La Thị K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhận và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000[đ] tại biên lai thu tiền số 0004227 ngày 18/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Nguyễn Duy Đ không phải chịu tiền án phí cấp dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA

Đỗ Thị Lựa

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn (01).
- Bị đơn (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã Minh Lương (01).
- L-u HS vụ án (02),